

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HC-PT

Ngày: 10/01/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Trung

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Thị Thương Huyền

2. Ông Ưông Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01/12/2022, ngày 09 và ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại
trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ
án hành chính thụ lý số 20/2022/HCPT ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc
“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính số 10/2022/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của
Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5499/2022/QĐ-PT
ngày 02 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 15522/2022/QĐ-PT
ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số
19698/QĐPT-HC ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1992

Địa chỉ: 260/45/1A đường B, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí
Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố
Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hoàng T – Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: C1/30 H, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hoàng Ngọc D

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm: 1996.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1988

3.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1967

3.4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1967

Cùng địa chỉ: nhà không số thuộc ấp 6 (thửa 32 tờ bản đồ số 2), xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: F16/73 ấp 6, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2021, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:*

Vào năm 2013, bà có mua một miếng đất ngang 4m, dài 17m. Đến cuối năm 2014 bà có cất một căn nhà vách lá mái tôn. Đến năm 2015 nhà xuống cấp không ở được nữa nên bà có sửa chữa lại tường bằng tấm vách 3D, mái tole, cột cây tầm vông, nền lát gạch men. Gia đình bà ở ổn định cho đến nay và không xảy ra tranh chấp với ai. Từ năm 2015, gia đình bà về ở trên khu đất này có đăng ký tạm trú tại Công an xã, có hợp đồng điện, nước, các hoạt động tại địa phương do Ủy ban nhân dân xã Hưng Long phát động gia đình bà đều tham gia ủng hộ. Tuy nhiên, đến ngày 25/12/2020 Ủy ban nhân dân xã Hưng Long ra quyết định xử phạt hành chính số 281/QĐ-XPVPHC, đến ngày 08/01/2021 Ủy ban nhân dân xã Hưng Long ra quyết định cưỡng chế số 12/QĐ-CCXP. Do đó, làm ảnh hưởng cuộc sống gia đình bà vì vậy bà không đồng ý với nội dung hai quyết định trên.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C hủy toàn bộ Quyết định số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020 và Quyết định số 12/QĐ-CCXP ngày 08/01/2021, cho gia đình bà giữ nguyên hiện trạng căn nhà trên.

** Tại bản tự khai ngày 09/4/2021; 25/02/2022, quá trình làm việc tại Tòa án đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Ngày 25/12/2020, Ủy ban nhân dân xã lập biên bản vi phạm hành chính số 71/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992, địa chỉ: 260/45/1A đường Bà Hom, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh với hành vi vi phạm chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng lúa) sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tại

thửa đất số 302 tờ bản đồ số 02 (TL02/CT-UB) với hiện trạng: cột sắt, vách tường + mái tole, diện tích vi phạm 66m² (ngang 4,0m x dài 16,5m), thời điểm vi phạm năm 2015, biên bản kết thúc lúc 09 giờ, ngày 25/12/2020, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Ái, trưởng ấp 6, ông Nguyễn Thanh Lâm, trật tự đô thị xã và chủ đầu tư vắng mặt không ký tên vào biên bản.

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, ngày 25/12/2020, Ủy ban nhân dân xã Hưng Long đã ban hành Quyết định số 281/QĐ-XPVPHC xử lý vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T đã có hành vi vi phạm hành chính: chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng lúa) sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, về quy trình ban hành là đảm bảo đúng trình tự luật định.

Về thẩm quyền và hình thức ban hành: Quyết định số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020 xử phạt vi phạm hành chính do ông Nguyễn Thế Minh, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long ký được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long giao quyền xử phạt tại Quyết định số 96/QĐ-GQXP ngày 20/01/2020. Về hình thức ban hành đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Khoản 1 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020 quy định: *“hành vi vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính”*.

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc T không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, do đó hành vi chuyển mục đích sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc T được xác định là hành vi vi phạm đang thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định *“Các hành vi vi phạm hành chính về đất đai quy định tại Nghị*

định này mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 4 được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện.”

Về thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

“Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm”

Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính số 71/BB-VPHC ngày 25/12/2020 đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1992, địa chỉ: 260/45/1A đường Bà Hom, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh với hành vi vi phạm chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng lúa) sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 02 (TL02/CT-UB) với hiện trạng: cột sắt, vách tường + mái tole, diện tích vi phạm 66 m² (ngang 4,0m x dài 16,5m), thời điểm vi phạm năm 2015; thì công trình vi phạm vẫn còn tồn tại và sử dụng vào mục đích để ở với hiện trạng công trình nêu trên.

Theo điểm b Khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định *“Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm”*, vậy, ngày 25/12/2020 ngày Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã lập biên bản vi phạm hành chính được xác định là ngày phát hiện hành vi vi phạm hành chính của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Về thẩm quyền và hình thức ban hành: Quyết định số 12/QĐ-CCXP ngày 08/01/2021 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long ban hành đảm bảo về thẩm quyền. Về hình thức ban hành đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Người bị kiện đề nghị giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25 tháng 12 năm 2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 12/QĐ-CCXP ngày 08 tháng 01 năm 2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Nguyễn Văn B trình bày: Thông nhất ý kiến với bà T.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào ngày 30/10/2013, gia đình ông có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1992 ở đường Bà Hom, phường 13, quận 6 một miếng đất ngang 4m, dài 17m thuộc một phần thửa 302 tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng lúa, với giá 66.000.000 đồng. Hai bên đã nhận tiền và giao đất, khi giao đất thì gia đình ông giao đất trống cho bà T. Bà T có dựng một căn nhà không sổ trên phần đất này, việc dựng nhà là do bà T dựng không liên quan đến gia đình ông.

Nay bà T bị Ủy ban nhân dân xã Hưng Long xử phạt vi phạm hành chính và bà T khởi kiện ra Tòa án là việc riêng của bà T, không liên quan đến gia đình ông. Ông yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Ông T có yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt.

* Ngày 29/6/2022, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án tại Bản án số 10/2022/HC, có nội dung bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 11/7/2022, bà T có Đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25 tháng 12 năm 2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 12/QĐ-CCXP ngày 08 tháng 01 năm 2021 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện C.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và xin tồn tại công trình bị xử phạt.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T; sửa bản án sơ thẩm số 10/2022/HC-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện C; hủy một phần Quyết định số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020 và hủy một phần Quyết định

số 12/QĐ-CCXP ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Ngọc C, ông Nguyễn Hữu C, ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Xét tính hợp lệ của kháng cáo:

Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân huyện C tuyên ngày 29/6/2022. Bà T kháng cáo trong hạn luật định nên hợp lệ.

Tòa án nhân dân huyện C tiến hành thông báo việc kháng cáo đến các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại Điều 210 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2.2] Về nội dung kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020 và Quyết định số 12/QĐ-CCXP ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện C.

Nhận thấy, ngày 25/12/2020, Ủy ban nhân dân xã Hưng Long tiến hành kiểm tra và lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T do có hành vi “*chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp (đất trồng lúa) sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, tại thửa đất 302 tờ bản đồ 02 (TL 02/CT-UB), hiện trạng: Cột sắt, vách tường + tôn, mái tôn, diện tích vi phạm 4m x 16,5m = 66m², thời điểm vi phạm năm 2015*”.

Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính ngày 25/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020, hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 4.000.000 đồng, biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Về thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

“*Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.*”

Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm”

Tại Điều 4 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai như sau:

“1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm...

Bà **T** đã có hành vi xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện **C** xác định hành vi nêu trên của bà **T** là chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn là xác định chưa đầy đủ hành vi vi phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện trình bày và cung cấp tài liệu thể hiện gia đình người khởi kiện sinh sống ổn định tại căn nhà bị xử phạt từ năm 2015, có đăng ký tạm trú tại cơ quan có thẩm quyền. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long trình bày rằng thời điểm phát hiện vi phạm là năm 2020 nhưng Biên bản vi phạm hành chính xác định hành vi vi phạm của bà **T** thực hiện vào năm 2015 và đã chấm dứt vào thời gian này, phía người bị kiện không đưa ra các tài liệu chứng minh thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Do vậy, tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì hành vi của bà **T** đã hết thời hiệu xử phạt theo quy định tại Điều 4 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019.

Tại Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

“1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây:

...

c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này;

...

2. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng có thể ra quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy

tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cầm lưu hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật này.

Do hành vi vi phạm của bà T đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên người bị kiện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T là không đúng quy định; trường hợp này chỉ có thể xử lý hành chính bằng hình thức áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều 28, Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính, Khoản 5 Điều 9 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019; yêu cầu xin tồn tại công trình của bà T là không có cơ sở để xem xét. Đồng thời, hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là hai hình thức xử lý hành chính khác nhau. Do đó, cần hủy toàn bộ quyết định Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020 để người bị kiện thực hiện hình thức xử lý hành chính phù hợp.

Do hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính số 12/QĐ-CCXP ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long cũng không đúng quy định nên cần hủy toàn bộ quyết định này.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận một kháng cáo của người khởi kiện là có cơ sở, tuy nhiên chưa đầy đủ như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Án phí hành chính sơ thẩm người bị kiện phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Sửa Bản án hành chính số 10/2022/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điều 116, Điều 229 Luật tổ tụng hành chính; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 281/QĐ-XPVPHC ngày 25/12/2020 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 12/QĐ-CCXP ngày 08/01/2021 cùng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện C ban hành.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Long, huyện C phải chịu án phí 300.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; hoàn lại cho bà T tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080945 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà T không phải chịu; hoàn lại cho bà T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0041472 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Trung